

Số: 21/2016/CBTT

V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên 2016-Trụ sở chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng 08 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
2. Mã cổ phiếu: KST
3. Địa chỉ trụ sở chính: 270A Lý Thường Kiệt- Phường 14 Quận 10-TP HCM
4. Điện thoại: 08 38655343 Fax: 08 38 652487
5. Người thực hiện công bố thông tin:  
Người được UQ CBTT : Nguyễn Long– Kế toán Trưởng Công ty  
Điện thoại : cá nhân :0903 618 059, Công ty : 0838 645 433, nhà riêng:
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên 2016 của Trụ sở chính.
8. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế  
Lợi nhuận sau thuế bán niên 2016: 1.734.219.368 đồng  
Lợi nhuận sau thuế bán niên 2015: 1.104.041.499 đồng  
Chênh lệch tăng: 630.177.869 đồng

Lý do: Doanh thu bán niên 2016 tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước  
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/08/2016 tại đường dẫn: [www.kasati.com.vn](http://www.kasati.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/NGƯỜI CBTT**  
(Ký ghi rõ họ tên)



LÊ MINH TRÍ

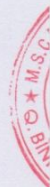
**TRỤ SỞ CHÍNH - CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016**

---

Tháng 8 năm 2016

## MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 25



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của trụ sở chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Tô Hoài Văn

Ông Lê Minh Trí

Ông Đỗ Quang Khánh

Ông Lê Phước Hiền

Bà Nguyễn Thị Hồng Mai

Ông Vũ Trọng Hiếu

Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2016)

Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2016)

Phó chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2016)

Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2016)

Thành viên

Thành viên

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2016)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Trí

Ông Phan Văn Nghĩa

Ông Lê Phước Hiền

Ông Vũ Trọng Hiếu

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2016)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của trụ sở chính Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của trụ sở chính Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của trụ sở chính Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng trụ sở chính Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Lê Minh Trí

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Số: 089 /VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kasati

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của trụ sở chính Công ty Cổ phần Kasati, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2016, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Cổ phần Kasati chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy CN - ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			(Trình bày lại)	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78.384.595.360</b>	<b>97.310.186.047</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>10.146.803.395</b>	<b>6.015.080.953</b>
1. Tiền	111		5.146.803.395	4.015.080.953
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>850.000.000</b>	<b>1.092.028.800</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		850.000.000	1.092.028.800
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>61.092.401.683</b>	<b>79.332.551.621</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	37.016.581.610	64.126.778.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.235.508.449	280.720.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		11.276.171.945	10.540.589.362
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.615.561.679	4.420.457.901
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(51.422.000)	(35.995.400)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>6.140.552.682</b>	<b>10.059.350.669</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.190.210.998	13.682.070.710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.049.658.316)	(3.622.720.041)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>154.837.600</b>	<b>811.174.004</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		153.391.698	158.764.723
2. Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản khác phải thu Nhà nước	152	11	1.445.902	652.409.281
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.762.594.310</b>	<b>7.370.670.097</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>421.652.675</b>	<b>831.332.675</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		421.652.675	831.332.675
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.221.044.115</b>	<b>1.301.836.398</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.221.044.115	1.301.836.398
- Nguyên giá	222		32.299.332.754	32.245.216.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.078.288.639)	(30.943.379.996)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		36.365.959	36.365.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.365.959)	(36.365.959)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.900.000.000	4.900.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>219.897.520</b>	<b>337.501.024</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		219.897.520	337.501.024
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>85.147.189.670</b>	<b>104.680.856.144</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016
			(Trình bày lại)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.538.835.713</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.538.835.713</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	44.928.743.457
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	58.300.855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	897.708.429
4. Phải trả người lao động	314		1.200.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		962.680.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.372.857.096
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		291.666.662
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		159.594.922
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>48.608.353.957</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>48.608.353.957</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		24.960.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.960.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.980.050.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.273.044.127
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		19.229.003
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.576.881.593
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		327.404.918
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.249.476.675
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>85.147.189.670</b>
			<b>104.680.856.144</b>



**Lê Minh Trí**  
Tổng Giám đốc  
Tp. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

**Nguyễn Long**  
Kế toán trưởng

**Đoàn Thị Triệu Phước**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.644.898.213	36.520.467.047
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		41.180.578	516.840.320
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	18	48.603.717.635	36.003.626.727
4. Giá vốn hàng bán	11	19	41.108.898.394	30.224.822.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		7.494.819.241	5.778.803.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	126.184.755	376.892.607
7. Chi phí tài chính	22		11.052.707	44.426.280
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.052.707	22.064.989
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	5.144.615.441	5.007.364.521
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		2.465.335.848	1.103.905.616
10. Thu nhập khác	31		5.000.091	500.000
11. Chi phí khác	32		223.347.399	364.117
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(218.347.308)	135.883
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.246.988.540	1.104.041.499
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		512.769.172	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		1.734.219.368	1.104.041.499



Lê Minh Trí  
Tổng Giám đốc  
Tp. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Long  
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Triệu Phước  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.246.988.540	1.104.041.499
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	167.581.283	252.283.540
- Các khoản dự phòng	03	1.442.364.875	(382.098.127)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(127.184.755)	22.361.291
- Chi phí lãi vay	06	11.052.707	22.064.989
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.740.802.650	1.018.653.192
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	20.387.450.717	23.143.066.372
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10	2.491.859.712	3.023.500.830
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.084.547.830)	(12.148.617.595)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	122.976.529	290.688.319
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.052.707)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.312.846.182)	(593.525.973)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(295.050.000)	(140.160.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>5.039.592.889</b>	<b>14.593.605.145</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.000.000	-
2. Tiền chi cho vay	23	(15.190.400.000)	(1.312.139.259)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	13.791.344.800	915.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	467.638.709
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	665.184.755	1.397.727.436
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(732.870.445)</b>	<b>1.468.226.886</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(175.000.002)	(175.000.002)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.510.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(175.000.002)</b>	<b>(180.510.002)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>4.131.722.442</b>	<b>15.881.322.029</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>6.015.080.953</b>	<b>6.723.918.581</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>10.146.803.395</b>	<b>22.605.240.610</b>



Lê Minh Trí  
Tổng Giám đốc  
Tp. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Long  
Kê toán trưởng

Đoàn Thị Triệu Phước  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kasati là doanh nghiệp được chuyển đổi theo Quyết định số 470/QĐ-TCBĐ ngày 07 tháng 06 năm 2002 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin II thành Công ty Cổ phần. Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 (số cũ là 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần từ thứ 2 đến lần thứ 9 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 01 tháng 06 năm 2016 vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1.015.000	10.150.000.000	33,88%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	290.000	2.900.000.000	21,30%
Cổ đông khác	1.695.000	16.950.000.000	44,82%
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Cổ phiếu của Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết từ ngày 29 tháng 12 năm 2012 với mã giao dịch là KST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 67 người (tại ngày 01/01/2016 là 68 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông; Cung cấp thông tin lên mạng internet; Dịch vụ cung cấp giá trị gia tăng trên mạng viễn thông – mạng internet; Đại lý truy cập, xử lý, trao đổi dữ liệu và thông tin lên mạng internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet, trò chơi điện tử tại trụ sở). Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế. Cung cấp dịch vụ truy cập Internet (ISP), cung cấp các dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sửa chữa nhà;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe gắn máy;
- Mua bán xe ô tô, xe có động cơ;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc – phụ tùng – các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ;
- Quảng cáo;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị điện tử, tin học;
- Kinh doanh phần mềm tin học;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăngten (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử. Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông;
- Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng (trừ phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê thiết bị mạng-viễn thông-tin học -điện-điện tử và điện lạnh;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử;
- Mua bán xe gắn máy;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Mua bán máy móc, phụ tùng-các bộ phận phụ trợ của xe gắn máy;
- Mua bán máy móc ngành xây dựng;
- Hoạt động giao nhận hàng hóa. Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Các đơn vị trực thuộc*

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kasati tại Hà Nội: Số 6 hẻm 495/1/30 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kasati tại Đà Nẵng: Số 38 đường Tạ Mỹ Duyệt, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

*Công ty liên kết:*

Công ty Cổ phần Kasaco: Địa chỉ 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

**Bên liên quan**

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam  
Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện  
Công ty cổ phần Kasaco  
Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông đại diện vốn Nhà nước  
Cổ đông lớn  
Công ty liên kết  
Điều hành Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan (Tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì chiếm 9,67% vốn điều lệ của Công ty, nhưng thực tế góp chiếm 21% vốn điều lệ, nên có ảnh hưởng đáng kể đến quản trị và hoạt động của Công ty, do đó là bên liên quan của Công ty.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng hóa và các chi phí liên quan khác, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tại ngày 30/06/2016, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về sự suy giảm giá trị của hàng tồn kho, trên cơ sở đó đã trích lập dự phòng hàng tồn kho. Ban Giám đốc tin tưởng giá trị trích lập dự phòng hàng tồn kho đã phản ánh đúng thực tế của Công ty và sự luân chuyển của hàng tồn kho trong thời gian tới.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 04

**Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy tính:** Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

**Chi phí sửa chữa:** Chi phí sửa chữa văn phòng, xe ô tô được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

**Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí thuê văn phòng:** Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Một số trường hợp đặc biệt, khách hàng ứng trước phí dịch vụ và yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty ghi nhận doanh thu nhận trước và kết chuyển vào doanh thu thực hiện khi đã hoàn tất dịch vụ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và theo thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay (Tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	956.048.756	54.891.387
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.190.754.639	3.960.189.566
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	2.000.000.000
	<u><b>10.146.803.395</b></u>	<u><b>6.015.080.953</b></u>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
Các trung tâm viễn thông thuộc VNPT	8.480.962.739	20.664.578.680
<i>b) Phải thu các đối tượng khác</i>		
Ban quản lý dự án hạ tầng 2 - Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông Mobifone	18.766.996.490	8.993.985.000
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	1.381.722.265	-
Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Nam	7.064.079.666	25.567.619.831
Công Ty TNHH NEC Việt Nam	-	1.156.156.693
Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn thông -Teleq	-	1.281.532.720
Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	30.015.414	2.459.234.565
Các khách hàng khác	1.292.805.036	4.003.671.369
	<u><b>37.016.581.610</b></u>	<u><b>64.126.778.858</b></u>

**8. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Viễn Thông KINGHIGH	4.920.174.000	-
Công ty TNHH Sao Việt Non Nước	93.852.500	-
Trả trước các đối tượng khác	221.481.949	280.720.900
	<u><b>5.235.508.449</b></u>	<u><b>280.720.900</b></u>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.352.993.000	539.400.000
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	4.995.632.884	3.006.122.106
Cổ tức được chia	-	539.000.000
Các khoản phải thu khác	266.935.795	335.935.795
	<u><b>7.615.561.679</b></u>	<u><b>4.420.457.901</b></u>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.565.143.556	(4.723.014.343)	6.675.420.862	(3.376.322.082)
Chi phí SXKD dở dang	4.018.421.169	-	6.391.761.213	-
Thành phẩm	606.646.273	(326.643.973)	614.888.635	(246.397.959)
	<u><b>11.190.210.998</b></u>	<u><b>(5.049.658.316)</b></u>	<u><b>13.682.070.710</b></u>	<u><b>(3.622.720.041)</b></u>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 5.049.658.316 VND do Công ty đánh giá có sự suy giảm giá trị có thể thu hồi được của một số nguyên vật liệu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế GTGT được khấu	-	3.212.779.929	(3.865.189.210)	652.409.281
Thuế thu nhập cá nhân	1.445.902	1.445.902	-	-
	<u>1.445.902</u>	<u>3.214.225.831</u>	<u>(3.865.189.210)</u>	<u>652.409.281</u>
	<u>30/06/2016</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số thực nộp</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	243.303.877	3.540.654.241	(3.297.350.364)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	83.430.490	(105.510.943)	22.080.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	191.034.192	628.252.398	(1.312.846.182)	875.627.976
Tiền thuê đất	-	2.608.743.000	(2.608.743.000)	-
Các loại thuế khác	-	87.401.011	(87.401.011)	-
	<u>434.338.069</u>	<u>3.407.826.899</u>	<u>(4.114.501.136)</u>	<u>897.708.429</u>

**TRỤ SỞ CHÍNH - CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**  
270 A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	8.271.336.000	20.471.367.911	2.358.844.142	835.243.152	308.425.189	32.245.216.394
- Mua trong năm	-	86.789.000	-	-	-	86.789.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(32.672.640)	-	(32.672.640)
Tại ngày 30/06/2016	8.271.336.000	20.558.156.911	2.358.844.142	802.570.512	308.425.189	32.299.332.754
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	8.271.336.000	20.121.169.742	1.430.599.274	811.849.791	308.425.189	30.943.379.996
- Khấu hao trong năm	-	95.223.095	53.042.562	19.315.626	-	167.581.283
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(32.672.640)	-	(32.672.640)
Tại ngày 30/06/2016	8.271.336.000	20.216.392.837	1.483.641.836	798.492.777	308.425.189	31.078.288.639
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2016	-	350.198.169	928.244.868	23.393.361	-	1.301.836.398
Tại ngày 30/06/2016	-	341.764.074	875.202.306	4.077.735	-	1.221.044.115

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 30/06/2016 là 30.206.624.611 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 30.115.942.210 đồng).

Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Toyota Fortuner để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Cửu Long	1.127.462.400	1.127.462.400	-	-
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông Tin học Bưu điện	-	-	2.678.926.800	2.678.926.800
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Đông Dương	11.705.031.937	11.705.031.937	19.835.636.150	19.835.636.150
Công ty TNHH Viễn Thông KINGHIGH	-	-	3.499.200.000	3.499.200.000
Công ty TNHH Xây lắp Viễn Thông Sao Phương Nam	2.392.128.498	2.392.128.498	3.596.560.595	3.596.560.595
Cty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Viễn Thông	-	-	2.678.349.300	2.678.349.300
Các đối tượng khác	3.388.211.975	3.388.211.975	12.640.070.612	12.640.070.612
	<b>18.612.834.810</b>	<b>18.612.834.810</b>	<b>44.928.743.457</b>	<b>44.928.743.457</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công Ty TNHH NEC Việt Nam	8.293.554.009	-
Các đối tượng khác	28.540.000	58.300.855
	<b>8.322.094.009</b>	<b>58.300.855</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	9.372.482	14.548.410
Bảo hiểm Y tế	736.500	-
Kinh phí công đoàn	11.979.900	-
Phải trả chi phí các công trình	2.110.708.860	4.552.227.366
Phải trả cổ tức	3.595.212.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	1.778.921.320	806.081.320
	<b>7.506.931.062</b>	<b>5.372.857.096</b>

**TRỤ SỞ CHÍNH - CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**  
270 A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2015	24.960.100.000	9.980.050.000	19.229.003	8.902.996.316	2.180.483.906	3.816.281.072	49.859.140.297
Phân loại lại số dư đầu kỳ	-	-	-	2.180.483.906	(2.180.483.906)	-	-
Trích quỹ	-	-	-	189.563.905	-	(492.866.154)	(303.302.249)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.996.010.000)	(2.996.010.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.249.476.675	4.249.476.675
Số dư tại 31/12/2015	24.960.100.000	9.980.050.000	19.229.003	11.273.044.127	-	4.576.881.593	50.809.304.723
Trích quỹ	-	-	-	-	-	(552.431.968)	(552.431.968)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.595.212.000)	(3.595.212.000)
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	212.473.834	-	1.734.219.368	1.946.693.202
Số dư tại 30/06/2016	24.960.100.000	9.980.050.000	19.229.003	11.485.517.961	-	2.163.456.993	48.608.353.957

Đơn vị: VND

Theo nghị quyết số 01/2016/NQ-DHĐCD ngày 25/04/2016 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền 3.595.212.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 212.473.834 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi 339.958.134 đồng.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 9, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng trong đó vốn của trụ sở chính là 24.960.100.000 đồng, vốn của chi nhánh Hà Nội là 5.000.000.000 đồng, chi tiết vốn điều lệ như sau:

STT	Có đồng	Tỷ lệ (%)	VND
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	33,88%	10.150.000.000
2	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	21,30%	2.900.000.000
3	Và các cổ đông khác	44,82%	16.950.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>30.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

STT	Cổ đông	30/06/2016		01/01/2016	
		Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	33,88%	10.150.000.000	33,88%	10.150.000.000
2	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	21,30%	6.380.900.000	21,30%	6.380.900.000
3	Và các cổ đông khác	44,82%	13.429.200.000	44,82%	13.429.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>29.960.100.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>29.960.100.000</b>

Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.996.010	2.996.010
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.996.010	2.996.010
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2016	01/01/2016
Ngoại tệ USD	654,59	36.164,09

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	24.563.354.000	295.700.000
Doanh thu bán thành phẩm	170.850.000	7.650.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.910.694.213	36.217.117.047
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Giảm giá hàng bán	(41.180.578)	(516.840.320)
	<b>48.603.717.635</b>	<b>36.003.626.727</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	21.936.448.477	221.242.236
Giá vốn bán thành phẩm	146.043.136	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.026.406.781	30.003.580.681
	<b>41.108.898.394</b>	<b>30.224.822.917</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.601.370.220	16.048.277.763
Chi phí nhân công	4.319.721.209	4.712.012.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.581.283	210.169.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.550.406.963	10.049.115.747
Chi phí khác bằng tiền	1.892.461.276	1.358.155.517
	<u><b>39.531.540.951</b></u>	<u><b>32.377.731.130</b></u>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	126.184.755	358.592.980
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	18.299.627
	<u><b>126.184.755</b></u>	<u><b>376.892.607</b></u>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.883.102.569	2.515.201.542
Chi phí vật liệu quản lý	138.114.172	238.008.908
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.696.245	29.571.934
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.138.994	61.437.055
Thuế, phí và lệ phí	31.948.000	60.258.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	731.426.555	733.297.452
Chi phí dự phòng	15.426.600	-
Các khoản chi phí QLDN khác	1.259.762.306	1.369.589.470
	<u><b>5.144.615.441</b></u>	<u><b>5.007.364.521</b></u>

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chi bao gồm phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.146.803.395	6.015.080.953
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.232.095.405	67.571.976.001
Đầu tư tài chính ngắn hạn	850.000.000	1.092.028.800
Đầu tư tài chính dài hạn	4.900.000.000	4.900.000.000
Các khoản ký quỹ	5.417.285.559	974.663.106
	<b>58.546.184.359</b>	<b>80.553.748.860</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	116.666.660	291.666.662
Phải trả người bán và phải trả khác	20.723.543.670	50.287.052.143
Chi phí phải trả	870.576.047	962.680.000
	<b>21.710.786.377</b>	<b>51.541.398.805</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.146.803.395	-	-	10.146.803.395
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.232.095.405	-	-	37.232.095.405
Đầu tư tài chính ngắn hạn	850.000.000	-	-	850.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.900.000.000	4.900.000.000
Các khoản ký quỹ	4.995.632.884	421.652.675	-	5.417.285.559
	<u>53.224.531.684</u>	<u>421.652.675</u>	<u>4.900.000.000</u>	<u>58.546.184.359</u>
<b>Tại 30/06/2016</b>				
Các khoản vay	116.666.660	-	-	116.666.660
Phải trả người bán và phải trả khác	20.723.543.670	-	-	20.723.543.670
Chi phí phải trả	870.576.047	-	-	870.576.047
	<u>21.710.786.377</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.710.786.377</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>31.513.745.307</u>	<u>421.652.675</u>	<u>4.900.000.000</u>	<u>36.835.397.982</u>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.015.080.953	-	-	6.015.080.953
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.571.976.001	-	-	67.571.976.001
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.092.028.800	-	-	1.092.028.800
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.900.000.000	4.900.000.000
Các khoản ký quỹ	974.663.106	-	-	974.663.106
	<u>75.653.748.860</u>	<u>-</u>	<u>4.900.000.000</u>	<u>80.553.748.860</u>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Các khoản vay	291.666.662	-	-	291.666.662
Phải trả người bán và phải trả khác	50.287.052.143	-	-	50.287.052.143
Chi phí phải trả	962.680.000	-	-	962.680.000
	<u>51.541.398.805</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>51.541.398.805</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>24.112.350.055</u>	<u>-</u>	<u>4.900.000.000</u>	<u>29.012.350.055</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**24. TRÌNH BÀY LẠI SỐ ĐẦU KỶ**

		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2016</u> (Trình bày lại)	<u>Chênh lệch</u>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	3.954.820.475	1.092.028.800	2.862.791.675
2. Phải thu ngắn hạn khác	(i)	2.388.998.901	4.420.457.901	-2.031.459.000
3. Phải thu dài hạn khác	(i)	-	831.332.675	-831.332.675
4. Phải trả ngắn hạn khác	(ii)	4.566.775.776	5.372.857.096	-806.081.320
5. Phải trả dài hạn khác	(ii)	806.081.320	-	806.081.320

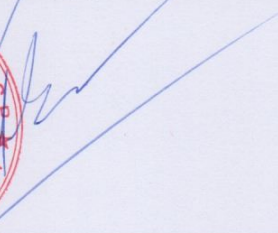
(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng làm tài sản đảm bảo để mở thư bảo lãnh. Các khoản tiền gửi được phân loại lại từ khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” sang khoản mục “Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác” tùy theo thời hạn của thư bảo lãnh.

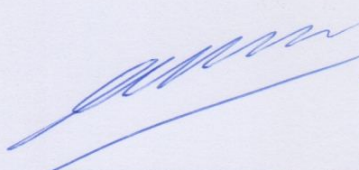
(ii) Đây là các khoản đặt cọc thuê văn phòng có kỳ hạn từ 3 – 6 tháng. Các khoản đặt cọc này được phân loại lại từ khoản mục “Phải trả dài hạn khác” sang khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác”

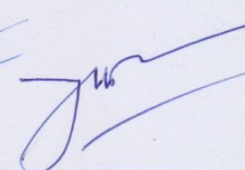
**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.



  
Lê Minh Trí  
Tổng Giám đốc  
Tp. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

  
Nguyễn Long  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Thị Triệu Phước  
Người lập biểu